

## THÀNH PHẦN LOÀI THÚ Ở KHU VỰC HUYỆN LỆ THỦY VÀ QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH VÀ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CỦA CHÚNG

**ĐẶNG NGỌC CÀN, NGUYỄN TRƯỜNG SƠN**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

**MOTOKAWA MASAHARU**

*Trường Đại học Kyoto, Nhật Bản*

Rừng tự nhiên của hai huyện Lệ Thủy và Quảng Ninh ở phía Tây Nam tỉnh Quảng Bình, phía Bắc giáp huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình, phía Nam giáp Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, phía Tây giáp Lào. Khu vực có tọa độ địa lý 16°56' đến 17°26' B và 106°17' đến 106°49' Đ, có diện tích tự nhiên gần 150.000 ha thuộc khu vực Trung Trường Sơn. Khu vực Trung Trường Sơn thuộc vùng sinh thái Dãy Trường Sơn là một trong 200 vùng sinh thái tiêu biểu toàn cầu. Ở đây, được biết đến là nơi có nhiều loài thú, chim đặc hữu của Đông Dương. Đợt điều tra nhanh về đa dạng sinh học của Tổ chức Birdlife Quốc tế tại Việt Nam ở khu vực này vào năm 2002 bước đầu đã ghi nhận một số loài thú quý hiếm và đặc hữu như Sao la, chà vá chân nâu, vượn đen má trắng, mang lớn. Tuy nhiên với thời gian điều tra ngắn (10 ngày) nên nhiều loài thú mới chỉ ghi nhận được dựa trên việc phỏng vấn dân địa phương. Để đánh giá chính xác thành phần loài thú hoang dã và giá trị bảo tồn của chúng ở khu vực rừng Lệ Thủy và Quảng Ninh, suốt từ năm 2006 đến 2010 chúng tôi đã tiến hành nhiều đợt điều tra, khảo sát ở khu vực này. Kết quả của báo cáo này sẽ là cơ sở khoa học góp phần xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn tài nguyên sinh vật nói chung và tài nguyên thú nói riêng của khu vực.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đã tiến hành 5 đợt khảo sát với tổng số 65 ngày vào tháng 7 năm 2006, tháng 3 năm 2007, tháng 8 năm 2008, tháng 9 năm 2009 và tháng 12 năm 2010 ở các khu rừng thuộc các xã Ngân Thủy, Kim Thủy, Lâm Thủy huyện Lệ Thủy và xã Trường Sơn huyện Quảng Ninh. Các phương pháp nghiên cứu sử dụng bao gồm:

*Điều tra phỏng vấn:* Tiến hành phỏng vấn dân địa phương ở các thôn bản trong khu vực nghiên cứu. Dùng ảnh mẫu và những câu hỏi có liên quan để kiểm tra độ tin cậy của các thông tin. Phương pháp phỏng vấn áp dụng cho những loài thú dễ phân biệt, có giá trị kinh tế cao, thường bị săn bắt. Phân tích các di vật của thú (da, sừng, xương...) còn lưu giữ trong nhà dân địa phương.

*Khảo sát theo tuyến:* Các tuyến khảo sát được thiết lập có độ dài từ 5-10 km xuyên qua các sinh cảnh khác nhau. Trong quá trình khảo sát quan sát trực tiếp sự hoạt động của các loài, hoặc quan sát gián tiếp qua dấu chân, phân, dấu vết hoạt động của thú.

*Thu thập mẫu vật để định loại:* Thu mẫu vật của những loài thú nhỏ, chủ yếu không thể phân loại bằng phương pháp quan sát trực tiếp. Đối với các loài gặm nhấm và ăn sâu bọ dùng bẫy lồng, bẫy hộp và bẫy ống. Thu mẫu các loài dơi dùng lưới mờ và bẫy thụ cảm. Các mẫu thu thập được sẽ được giám định trên hiện trường, lấy các số đo và thông tin cần thiết sau đó sẽ được thả lại vào tự nhiên sau khi đã được xác định chính xác loài. Các mẫu chưa xác định được tên khoa học hay còn nghi ngờ sẽ được làm tiêu bản và tiếp tục được phân tích tại phòng thí nghiệm.

*Tham khảo tài liệu* đã nghiên cứu về thú ở vùng nghiên cứu; Tên khoa học và hệ thống phân loại theo [4, 8].

## II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 1. Thành phần loài thú

Từ kết quả của các đợt khảo sát thực địa, kết hợp với việc tham khảo tài liệu có liên quan đến thú ở khu vực nghiên cứu chúng tôi đã xây dựng được danh lục thú ở khu vực rừng huyện Lệ Thủy và huyện Quảng Ninh tỉnh Quảng Bình gồm 71 loài thú thuộc 25 họ, 10 bộ. Trong đó có 68 loài được khẳng định dựa trên việc quan sát trực tiếp, phân tích di vật còn lưu trữ trong nhà dân địa phương, các dấu hiệu để lại tại hiện trường hoặc tiếng kêu nghe được trong rừng và 3 loài được ghi nhận tạm thời qua thông tin phỏng vấn là Báo hoa mai *Panthera pardus*, Hồ *Panthera tigris* và Sói đỏ *Cuon alpinus*. Danh lục đầy đủ các loài thú đã được ghi nhận tại khu vực nghiên cứu được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1

Danh lục các loài thú đã ghi nhận được ở huyện Lệ Thủy và Quảng Ninh

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Tình trạng bảo tồn			Ghi nhận
			VN	TG	ND	
	<b>Bộ Ăn sâu bọ</b>	<b>Scandenta Wagner, 1855</b>				
	<b>1. Họ Đồi</b>	<b>Tupaiaidae Gray, 1825</b>				
1.	Đồi	<i>Tupaia belangeri</i> (Wagner, 1841)				m
	<b>Bộ Linh trưởng</b>	<b>Primates Linnaeus, 1758</b>				
	<b>2. Họ Cu li</b>	<b>Lorisidae Gray, 1821</b>				
2.	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i> (Lacépède, 1800)	VU	VU	IB	nuôi
3.	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i> Bonhote, 1907	VU	VU	IB	nuôi
	<b>3. Họ Khỉ</b>	<b>Cercopithecidae Gray, 1821</b>				
4.	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i> (L.Geoffroy, 1831)	VU	VU	IIB	qs
5.	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i> (Blyth, 1863)	VU	VU	IIB	qsm
6.	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i> (Zimmermann, 1780)	LR/nt		IIB	qs
7.	Chà vá chân nâu	<i>Pygathrix nemaeus</i> (Linnaeus, 1771)	EN	EN	IB	qs,8
8.	Vượn đen má trắng siki	<i>Nomascus siki</i> (Delacour 1951)	EN	EN	IB	qs, Hót,5
	<b>Bộ Thỏ</b>	<b>Lagomorpha Brandt, 1855</b>				
	<b>4. Họ Thỏ rừng</b>	<b>Leporidae Fischer, 1817</b>				
9.	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timminsi</i> Averianov, Abramov and Tikhonov, 2000	EN	DD		qs, sọ 3,7
	<b>Bộ Chuột voi</b>	<b>Erinaceomorph H. A Gregory, 1910</b>				
	<b>5. Họ Chuột voi</b>	<b>Erinaceidae G. Fischer, 1814</b>				
10.	Chuột voi đốm	<i>Hylomys suillus</i> Müller, 1840				m
	<b>Bộ Ăn sâu bọ</b>	<b>Soricomorpha Gregory, 1910</b>				
	<b>6. Họ Chuột chù</b>	<b>Soricidae G.Fischer, 1814</b>				
11.	Chuột chù đuôi đen	<i>Crocidura attenuata</i> Milne-Edwards, 1872				m
	<b>7. Họ Chuột chũi</b>	<b>Talpidae G. Fischer, 1814</b>				
12.	Chuột chũi	<i>Euroscaptor</i> sp.				m
	<b>Bộ Dơi</b>	<b>Chiroptera Blumbach, 1779</b>				
	<b>8. Họ Dơi quả</b>	<b>Pteropodidae Gray, 1821</b>				
13.	Dơi chó cánh dài	<i>Cynopterus sphinx</i> (Vahl, 1797)				m

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Tình trạng bảo tồn			Ghi nhận
			VN	TG	NĐ	
14.	Đơi cáo nâu	<i>Rousettus leschenaulti</i> (Desmarest, 1820)				m
15.	Đơi quả lười dài	<i>Eonycteris spelaea</i> (Dobson, 1871)				m
16.	Đơi quả không đuôi lớn	<i>Megaerops niphanae</i> Yenbutra and Felten, 1983				m
17.	Đơi quả núi cao	<i>Sphaerias blanfordi</i> (Thomas, 1891)				m
	<b>9. Họ Đơi lá mũi</b>	<b>Rhinolophidae Gray, 1825</b>				
18.	Đơi lá đuôi	<i>Rhinolophus affinis</i> Horsfield, 1823				m
19.	Đơi lá mũi ô-gút	<i>Rhinolophus lepidus</i> Blyth, 1844				m
20.	Đơi lá mũi phẳng	<i>Rhinolophus malayanus</i> Bonhote, 1903				m
21.	Đơi lá mũi péc-xôn	<i>Rhinolophus pearsonii</i> Horsfield, 1851				m
22.	Đơi lá mũi nhỏ	<i>Rhinolophus pusillus</i> Temminck, 1834				m
23.	Đơi lá tô-ma	<i>Rhinolophus thomasi</i> K. Andersen, 1905	VU			m
	<b>10. Họ Đơi nếp mũi</b>	<b>Hipposideridae Lydekker, 1891</b>				
24.	Đơi nếp mũi quạ	<i>Hipposideros armiger</i> (Hodgson, 1835)				m
25.	Đơi nếp mũi xám	<i>Hipposideros larvatus</i> (Horsfield, 1823)				m
	<b>11. Họ Đơi ma</b>	<b>Megadermatidae H. Allen, 1864</b>				
26.	Đơi ma bắc	<i>Megaderma lyra</i> E. Geoffroy, 1810				qsm
	<b>12. Họ Đơi muỗi</b>	<b>Vespertilionidae Gray, 1821</b>				
27.	Đơi chân đê thịt	<i>Tylonycteris pachypus</i> (Temminck, 1840)				m
28.	Đơi mũi ống tai tròn	<i>Murina cyclotis</i> Dobson, 1872				m
29.	Đơi mũi ống lông chân	<i>Murina tubinaris</i> (Scully, 1881)				m
30.	Đơi mũi nhẵn xám	<i>Kerivoula hardwickii</i> (Horsfield, 1824)				m
31.	Đơi mũi nhẵn lớn	<i>Kerivoula titania</i> Bates, Struebig, Hayes, Furey, Mya, Thong, Son, Harrison, Csorba, Francis, 2007				m
	<b>Bộ Tê tê</b>	<b>Pholidota Weber, 1904</b>				
	<b>13. Họ Tê tê</b>	<b>Manidae Gray, 1821</b>				
32.	Tê tê ja va	<i>Manis javanica</i> Desmarest, 1822	EN	EN	IB	qsm, dv
	<b>Bộ Ăn thịt</b>	<b>Carnivora Bowdich, 1821</b>				
	<b>14. Họ Mèo</b>	<b>Felidae Fischer de Waldheim, 1817</b>				
33.	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i> (Kerr, 1792)			IB	m
34.	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i> (Griffith, 1821)	EN	VU	IB	qsm
35.	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i> (Linnaeus, 1758)	CR	NT	IB	pv
36.	Hồ	<i>Panthera tigris</i> (Linnaeus, 1758)	CR	EN		pv, 6
	<b>15. Họ Cây</b>	<b>Viverridae Gray, 1821</b>				
37.	Cây mực	<i>Arctictis binturong</i> (Raffles, 1821)	EN	VU	IB	da
38.	Cây vòi mốc	<i>Paguma larvata</i> (C. E. H. Smith, 1827)		LR/lc		
39.	Cây vòi đóm	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i> (Pallas, 1777)				qsm
40.	Cây gấm	<i>Prionodon pardicolor</i> Hodgson, 1842	VU		IIB	dv
41.	Cây giông	<i>Viverra zibetha</i> Linnaeus, 1758			IIB	qsm
42.	Cây hương	<i>Viverricula indica</i> (É. Geoffroy Saint-Hilaire, 1803)			IIB	qsm
	<b>16. Họ Chó</b>	<b>Canidae Gray, Fischer, 1817</b>				
43.	Sói đỏ	<i>Cuon alpinus</i> (Pallas, 1811)	EN	EN	IB	pv

## HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Tình trạng bảo tồn			Ghi nhận
			VN	TG	ND	
	<b>17. Họ Gấu</b>	<b>Ursidae Fischer de Waldheim, 1817</b>				
44.	Gấu chó	<i>Helarctos malayanus</i> (Raffles, 1821)	EN	VU	IB	da, 6
45.	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i> G. Cuvier, 1823	EN	VU	IB	nuôi, 6
	<b>18. Họ Chồn</b>	<b>Mustelidae Fischer, 1817</b>				
46.	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinerea</i> (Illiger, 1815)	VU	NT	IB	da
47.	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i> (Linnaeus, 1758)	VU	NT	IB	qsm
48.	Lửng lợn	<i>Arctonyx collaris</i> F. G. Cuvier, 1825		NT		phân, pv
49.	Chồn vàng	<i>Martes flavigula</i> (Boddaert, 1785)				qsm
50.	Chồn bạc má bắc	<i>Melogale moschata</i> (Gray, 1831)				qsm
	<b>Bộ Móng guốc chẵn</b>	<b>Artiodactyla Owen, 1848</b>				
	<b>19. Họ Lợn rừng</b>	<b>Suidae Gray, 1821</b>				
51.	Lợn rừng	<i>Sus scrofa</i> Linnaeus, 1758				qs
	<b>20. Họ Hươu nai</b>	<b>Cervidae Goldfuss, 1820</b>				
52.	Mang thường	<i>Muntiacus muntjak</i> (Zimmermann, 1780)				qs, sừng, 6
53.	Mang lớn	<i>Muntiacus vuquangensis</i> (Tuoc, Dung, Dawson, Arctander and Mackinnon, 1994)	VU	EN	IB	dv, sừng
54.	Nai	<i>Rusa unicorn</i> (Kerr, 1792)	VU	VU		qs, dv
	<b>21. Họ Trâu bò</b>	<b>Bovidae Gray, 1821</b>				
55.	Bò tót	<i>Bos frontalis</i> Lambert, 1804	EN	VU	IB	pv
56.	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i> Dung, Giao, Chinh, Tuoc, Arctander and Mackinnon, 1993	EN	CR	IB	sừng, 6
57.	Sơn dương	<i>Capricornis milneedwardsii</i> David, 1869	EN	VU	IB	dv, sừng
	<b>Bộ Gặm nhấm</b>	<b>Rodentia Bowdich, 1821</b>				
	<b>22. Họ Sóc</b>	<b>Sciuridae Fischer de Waldheim, 1817</b>				
58.	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i> (Sparrman, 1778)	VU	NT		qs
59.	Sóc bay trâu	<i>Petaurista philippensis</i> (Elliot, 1839)	VU		IIB	da, qs
60.	Sóc bụng đỏ	<i>Callosciurus erythraeus</i> (Pallas, 1779)				m, qs
61.	Sóc bụng xám	<i>Callosciurus inornatus</i> (Gray, 1867)				qs
62.	Sóc mõm hung	<i>Dremomys rufigenis</i> (Blanford, 1878)				qs
63.	Sóc vằn lưng	<i>Menetes berdmorei</i> (Blyth, 1849)				m, qs
	<b>23. Họ Dúi</b>	<b>Spalacidae Gray, 1821</b>				
64.	Dúi mốc lớn	<i>Rhizomys pruinosus</i> Blyth, 1851				qsm
	<b>24. Họ Chuột</b>	<b>Muridae Illiger, 1811</b>				
65.	Chuột đất lớn	<i>Bandicota indica</i> (Bechstein, 1800)				m
66.	Chuột nhắt nương	<i>Mus pahari</i> Thomas, 1916				m
67.	Chuột hươu bé	<i>Niviventer fulvescens</i> (Gray, 1847)				m
68.	Chuột lang-bi-an	<i>Niviventer langbianis</i> (Robinson et Kloss, 1922)				m
69.	Chuột rừng đồng dương	<i>Niviventer tenaster</i> (Thomas, 1916)				m
	<b>25. Họ Nhím</b>	<b>Hystriidae G. Fischer, 1817</b>				
70.	Đon	<i>Atherurus macrourus</i> (Linnaeus, 1758)				dv, lông
71.	Nhím đuôi ngắn	<i>Hystrix brachyura</i> Linnaeus, 1758				qsm

*Ghi chú:* Nguồn ghi nhận: m - mẫu vật; qs - quan sát; qsm - quan sát mẫu; dv - di vật; pv - phỏng vấn; các chữ số theo tài liệu tham khảo. Tình trạng bảo tồn: ND 32 - Nghị định số 32/2006NĐ-CP; IB - Nghiêm cấm sử dụng vì mục đích thương mại, IIB - Hạn chế khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; VN - Sách Đỏ Việt Nam (2007); TG - Danh lục Đỏ IUCN (2011): CR - Rất nguy cấp, EN - Nguy cấp, VU - Sẽ nguy cấp, NT - Gần bị đe dọa, LR/nt - Sắp nguy cấp, DD - Thiếu dẫn liệu.

## 2. Giá trị bảo tồn của các loài thú

Trong số 71 loài thú đã được ghi nhận có 28 loài thuộc diện quý hiếm cần được quan tâm bảo tồn (Bảng 1) trong đó có:

- 24 loài có giá trị bảo tồn cấp toàn cầu, được liệt kê trong *Danh lục Đỏ* của *Hiệp hội Bảo vệ thiên nhiên thế giới* (IUCN 2011). Đặc biệt khu vực có tồn tại loài Sao la *Pseudoryx nghetinhensis* là loài Rất nguy cấp (CR), 6 loài Nguy cấp (EN), 11 loài Sẽ nguy cấp (VU), 5 loài Gần đe dọa (NT) và 1 loài Thiếu dẫn liệu (DD) là Thỏ vằn *Nesolagus timminsi*.

- 27 loài quý hiếm được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), gồm 2 loài Rất nguy cấp (CR) là Hồ và Báo hoa mai, 12 loài Nguy cấp (EN), 12 loài Sẽ nguy cấp (VU) và 1 loài Sắp nguy cấp (LR/nt).

- 25 loài ghi trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Trong đó có 18 loài thuộc nhóm IB (Nghiêm cấm sử dụng vì mục đích thương mại); và 7 loài thuộc nhóm IIB (Hạn chế khai thác sử dụng vì mục đích thương mại).

- Trong số các loài quý hiếm có Chà vá chân nâu *Pygathrix nemaeus*, Sao la *Pseudoryx nghetinhensis*, Mang lớn *Muntiacus vuquangensis*, Vượn đen má trắng siki *Nomascus siki*, Thỏ vằn *Nesolagus timminsi* là những loài đặc hữu của dãy Trường Sơn (Việt Nam và Lào). Những loài quý hiếm có giá trị bảo tồn cao ở phạm vi toàn cầu khác vẫn có khả năng còn tồn tại trong khu vực như Báo hoa mai, Hồ và Sói đỏ.

## III. KẾT LUẬN

Có 71 loài thú thuộc 25 họ, 10 bộ đã được ghi nhận ở khu vực rừng huyện Lệ Thủy và huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Trong đó có 68 loài được khẳng định và 3 loài được ghi nhận tạm thời qua phỏng vấn là Báo hoa mai *Panthera pardus*, Hồ *Panthera tigris* và Sói đỏ *Cuon alpinus*. Trong số các loài thú được ghi nhận có 24 loài quý hiếm có giá trị bảo tồn ở mức độ toàn cầu, được liệt kê trong *Danh lục Đỏ* của IUCN (2011) và 27 loài được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), 25 loài ghi trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và 5 loài đặc hữu của dãy Trường Sơn. Khu vực nghiên cứu nằm trong vùng sinh thái dãy Trường Sơn là nơi có ý nghĩa quan trọng toàn cầu đối với bảo tồn các loài thú Chà vá chân nâu *Pygathrix nemaeus*, Sao la *Pseudoryx nghetinhensis*, Mang lớn *Muntiacus vuquangensis*, Vượn đen má trắng siki *Nomascus siki*.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ KH & CN, Viện KHCNVN, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, phần 1: Động vật học. NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2006: Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 3 năm 2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
3. Dang Ngoc Can, A.V. Abramov, A.N. Tikhonov, A.O. Averianov, 2001: *Acta Theriologica*, 46(4): 437-440.
4. Đặng Ngọc Cần, H. Endo, Nguyễn Trường Sơn, T. Oshida, Lê Xuân Cảnh, Đặng Huy Phương, P.L. Darrin, S. Kawada, A. Hayashida, M. Sasaki, 2008: *Danh lục các loài thú hoang dã Việt Nam*. Kyoto, Japan, 400 tr.
5. Geissmann T., Nguyen Xuan Dang, N. Lormee, F. Momberg, 2000: Vietnam Primates Conservation Status Review 2000, Part 1: Gibbons. FFI- Vietnam Program, Frankfurt Zoological Society.
6. Le Manh Hung, Pham Duc Tien, Tordoff, Nguyen Dinh Dung, 2002: A rapid field survey of Le Thuy and Quang Ninh Districts, Quang Binh Province, Vietnam. Technical Report, BirdLife Vietnam Programme and Institute of Ecology and Biological Resources, Hanoi, 21 pp.

7. **Nadler T., F. Momberg, Nguyen Xuan Dang, N. Lormee, 2003:** Vietnam Primates Conservation Status Review 2002, Part 2: Leaf monkeys. FFI- Vietnam Program, Frankfurt Zoological Society.
8. **Wilson D.E., D.M. Reeder, 2005:** Mammal species of the World: A taxonomic and geographic reference, 3<sup>rd</sup> ed. Baltimore, Johns Hopkins University Press, 2141 pp.

**WILD MAMMAL SPECIES IN LE THUY AND QUANG NINH DISTRICTS,  
QUANG BINH PROVINCE AND THEIR CONSERVATION VALUES**

**DANG NGOC CAN, NGUYEN TRUONG SON,  
MOTOKAWA MASAHARU**

**SUMMARY**

The natural forests in Le Thuy and Quang Ninh districts, Quang Binh Province are located in the Truong Son ecological region, which belongs to the central Truong Son mountain sub-region. In order to assess the status of mammal species living in the districts, five mammal surveys were carried out from 2006 to 2010. A total of 71 mammal species belonging to 25 families in 10 orders were recorded in the area. Among them 24 species are listed in the 2011 IUCN Red List as threatened Species, 27 species are listed in the 2007 Red Data Book of Vietnam, 25 species in Governmental Decree 32/2006/ND-CP. The forest of the two districts support populations of 5 species endemic to the Annamite mountains, including Saola, Anna mite Striped Rabbit, Red-shacked Dour Langur, Giant Muntjac and Southern White-checked Gibbon.